

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN

TRƯỜNG THCS ĐỘC LẬP

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

MÔN: ĐỊA LÍ 9

NĂM HỌC: 2020-2021

NỘI DUNG

BÀI 2: DÂN SỐ VÀ SỰ GIA TĂNG DÂN SỐ

1/ Dựa vào Biểu đồ biến đổi dân số nước ta giai đoạn 1954 – 2003 và bảng 2.1 SGK trang 8

* *Dân số nước ta năm 2003:*

* *Nhận xét dân số, diện tích nước ta với thế giới:*

.....

* *Chứng minh dân số nước ta còn tăng nhanh và tỷ lệ gia tăng tự nhiên ở thành thị thấp hơn nông thôn, đồng bằng thấp hơn miền núi cao nguyên:*

.....

.....

2/ Dân số đông và tăng nhanh đã gây ra những hậu quả gì?:

.....

.....

3/ Nêu những lợi ích của việc giảm tỷ lệ gia tăng tự nhiên của dân số nước ta:

.....

.....

4/ Cho bảng số liệu: “ Dân số nước ta giai đoạn 1954 – 2017”. Đơn vị: Triệu người.

Năm	1954	1960	1965	1970	1976	1979	1989	1999	2009	2017
Tiêu chí										
Dân số (triệu người)	23,8	30,2	34,9	41,1	49,2	52,7	64,4	76,3	86,0	93,7
Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên (%)	1,10	3,93	2,93	3,24	3,00	2,53	2,10	1,43	1,08	0,81

Em hãy vẽ biểu đồ cột thể hiện dân số nước ta gđ 1954-2017 và nhận xét?

TÓM TẮT BÀI HỌC:

I. DÂN SỐ:

Dân số nước ta năm 2003: 80,9 triệu người, dân đông đứng thứ 3 khu vực và 13 trên thế giới. Mỗi năm tăng trung bình khoảng 1 triệu dân.

II. GIA TĂNG DÂN SỐ:

- Dân số tăng nhanh, nhất là nửa cuối thế kỷ 20 có hiện tượng “bùng nổ dân số”.
- Nhờ thực hiện chính sách dân số nên tỷ lệ gia tăng tự nhiên có xu hướng giảm (năm 2003 là 1,3%) nhưng còn chậm và khác nhau giữa các vùng. Tạo sức ép đối với phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đất nước, bảo vệ môi trường.

III. CƠ CẤU DÂN SỐ:

Dân số nước ta trẻ, cơ cấu dân số theo nhóm tuổi đang có sự thay đổi tỷ lệ người trong tuổi lao động và sau lao động tăng lên.